

QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ THEO MÔ HÌNH VNEN - MỘT CÁCH TIẾP CẬN MỚI TRONG GIÁO DỤC HIỆN ĐẠI

ThS. NGUYỄN THỊ THU THOM

Abstract: VNEN is a new school model which consists of numerous advantages with the method of learner-centered with how to implement teaching - learning activities in order to maximize the potential of learners. When applying VNEN to lower secondary schools, there should be a new approach in management education programs with the aim of carrying out and organizing VNEN efficiently in management to meet the requirements of modern education and international integration trend.

Keywords: VNEN, modern education, secondary schools.

1. Đặc điểm của mô hình trường học mới - VNEN

VNEN là một mô hình trường học mới, được sáng tạo bởi các nhà khoa học giáo dục hàng đầu thế giới và được triển khai khởi nguồn từ mô hình EN là mô hình nhà trường kiểu mới được thực hiện tại nước Cộng hòa Colombia. VNEN đã giúp cho học sinh (HS) có những thay đổi tích cực. Với phương châm *lấy HS làm trung tâm*, cùng với học qua sách vở, HS được tham gia hoạt động ngoại khóa nhiều hơn, giúp các em chủ động, tự tin hơn... Khác với lớp học truyền thống là phải trật tự, yên lặng nghe giáo viên (GV) giảng bài, lớp học theo mô hình mới VNEN lại khuyến khích giờ học sôi nổi. Bàn học không kê theo dãy hàng ngang, mà kê theo hình tròn, theo nhóm. GV không phải soạn giáo án, chỉ nghiên cứu trước nội dung các bài học và chuẩn bị đồ dùng học tập và các mẫu phiếu đánh giá cho HS. Đó là 3 điểm khác biệt dễ nhận thấy trong mô hình lớp học mới. Theo mô hình mới, mỗi lớp sẽ thành lập một hội đồng tự quản thay cho ban cán sự lớp như trước đây. Hội đồng tự quản lớp do HS tự bầu chọn, tiêu chí để bầu chọn phải là người học giỏi, năng động, tích cực, có khả năng giao tiếp trước đám đông. Với cách bầu chọn trên, lớp sẽ có đội ngũ tự quản (gồm cả nhóm trưởng) uy tín, năng lực để tổ chức các hoạt động tự học, tự giáo dục theo yêu cầu của mô hình trường học mới.

Mô hình VNEN thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo nguyên tắc *lấy HS làm trung tâm*, GV chỉ là người giao việc và tổ chức các hoạt động học tập sau đó tư vấn, giám sát. HS tự thảo luận theo nhóm và theo định hướng của bài học, phân công nhiệm vụ cho nhau và gặp vấn đề khó không giải đáp được mới yêu cầu sự trợ giúp bằng thẻ cứu trợ. Không chỉ GV, HS mà ngay cả phụ huynh HS đều rất ủng hộ, hào hứng tham gia vào VNEN.

2. Mô hình VNEN làm thay đổi nhà trường truyền thống hiện nay

Mô hình VNEN mang lại cơ hội lớn để từng HS nhận ra tiềm năng đầy đủ của mình, thúc đẩy sự phối hợp, tạo ra sự gắn kết và tăng cường sự tham gia, tương tác giữa các đối tượng chính của nhà trường. Cụ thể:

- *Đối với HS:* Tự tin, biết cách suy nghĩ; biết cộng tác, hợp tác với mọi người; có kĩ năng làm việc nhóm; biết quan tâm, có trách nhiệm trong các hoạt động; biết phân đầu, làm chủ quá trình học tập của mình; có nhiều kĩ năng trong giao tiếp, kĩ năng sống; Hiểu biết nhiều hơn.

- *Đối với GV:* Nghiệp vụ sư phạm được nâng cao hơn; có kĩ năng điều hành các hoạt động dạy học; biết cộng tác theo xu hướng tích cực trong giáo dục; biết quan tâm và hỗ trợ đồng nghiệp; có cơ hội lãnh đạo trong phạm vi nhà trường và cộng đồng.

- *Đối với phụ huynh HS và cộng đồng:* Có trách nhiệm và tham gia với nhà trường nhiều hơn; hỗ trợ các hoạt động cụ thể của nhà trường; được tiếp nhận, bổ sung tri thức từ nhà trường thông qua HS; có liên quan trực tiếp và tích cực tới các hoạt động của nhà trường.

Với mô hình này, mỗi tiết học đều diễn ra sôi nổi, thoải mái, HS trở nên năng động, mạnh dạn và tích cực hơn cả trong học tập cũng như các hoạt động tập thể, cả GV và HS đã quen thuộc với cách dạy và học. Các em HS thay đổi rõ nét, tích cực, chủ động, ý thức tự giác học tập cao hơn; mạnh dạn và tự tin trong tiếp xúc với bạn bè, thầy cô. Có thể thấy, phương pháp dạy học theo mô hình VNEN như đang thổi một làn gió mới vào các lớp học. Cả GV và HS đều như thoát khỏi những giờ học căng thẳng, mệt mỏi mà thay vào đó là những giây phút thảo luận sôi nổi; HS có thể trao đổi bài với bạn, với GV

* Trưởng Cao đẳng Sư phạm Thái Nguyên

thường xuyên, cùng với các hoạt động giáo dục trong lớp đã tạo nên bầu không khí vui tươi, hào hứng. Đây là mô hình giáo dục có khá nhiều ưu điểm, bảo đảm cho HS được rèn luyện một cách toàn diện, không chỉ học kiến thức mà cả kĩ năng sống, năng lực tự quản bản thân, tự quản tập thể của mình. Bên cạnh đó, nội dung dạy học được thiết kế theo quy trình bảo đảm cho HS có khả năng tự học, chuyển quá trình dạy học thành quá trình tự học. Trong kiểm tra, đánh giá, coi trọng cả đánh giá trong quá trình dạy học với việc đánh giá kết quả thực hiện học tập của HS theo tinh thần đánh giá vì sự tiến bộ của học trò. Chính việc kiểm tra trong quá trình dạy học độ giúp GV phát hiện những nhân tố tích cực, những cố gắng, tiến bộ của HS để động viên, tạo hứng thú học tập, đồng thời phát hiện những khó khăn mà HS có thể không vượt qua được để hướng dẫn các em khắc phục.

Trong chương trình giáo dục ở các nhà trường, khi lựa chọn mô hình VNEN thì các môn học được tích hợp và giúp nhau hỗ trợ nhau trong việc giáo dục HS, các môn học được chuyển thành hoạt động giáo dục đã làm giảm bớt gánh nặng trong học tập cho các em. Hoạt động giáo dục được GV chủ động chọn nội dung cho phù hợp với đối tượng, chọn hình thức lên lớp nhẹ nhàng mà HS vui và thích, không đánh giá nặng nề. Bên cạnh đó, mô hình này cho phép chuyển đổi các môn học mang tính tự chọn sang hoạt động các giáo dục như việc chuyển đổi các môn học *Âm nhạc, Mĩ thuật, Thủ công, Thể dục, Giáo dục công dân* trên tinh thần tổ chức cho các em các hoạt động một cách nhẹ nhàng, có thể vận dụng tài liệu cũ, có thể tự GV chọn nội dung giáo dục phù hợp chủ đề hỗ trợ môn học mang tính bắt buộc như: *Toán, Ngữ văn...* Tổ chức cho HS được tham gia, trải nghiệm, hoạt động, để các em được giáo dục, được chăm sóc, được rèn một số kĩ năng một cách nhẹ nhàng không áp đặt, không tạo áp lực cho các em.

Như vậy, với mô hình trường học VNEN sẽ thực sự làm thay đổi nhà trường truyền thống hiện nay, thay đổi chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, trong đó có trung học cơ sở (THCS), điều đó đòi hỏi cần có sự quản lí (QL) giáo dục chặt chẽ, khoa học, có tính định hướng cho việc vận dụng mô hình này.

Bên cạnh những ưu điểm, còn một số những khó khăn ở trường THCS khi triển khai mô hình VNEN như: - Mặc dù đã được tập huấn về mô hình nhưng do thói quen giảng dạy, năng lực sư phạm của một số GV còn hạn chế, nên việc chuyển đổi từ phương pháp dạy truyền thống sang dạy phương pháp mới này cũng gây cho GV, nhà QL những áp lực mới; - Cơ sở vật chất ở một số trường THCS chưa đáp ứng kịp thời với việc chuyển đổi mô hình dạy học mới như thiếu phòng chuyên môn, phòng thí nghiệm,...; - Với sĩ số như hiện nay ở

các nhà trường THCS, việc tổ chức hoạt động nhóm, GV rất khó kiểm soát được tất cả các hoạt động của các nhóm để giúp đỡ các em một cách kịp thời; - Do mới tiếp cận nên một số phụ huynh, GV còn ngại, bần khoăn, có tâm lí bỡ ngỡ, hoang mang.

3. QL chương trình giáo dục ở trường THCS theo mô hình VNEN

Khi áp dụng mô hình VNEN vào trường học THCS thì việc thay đổi các chương trình giáo dục là một bước đi tất yếu, vì vậy việc QL chương trình giáo dục ở trường THCS cũng cần có những hướng thay đổi thích hợp. Trên bình diện các nhà trường THCS, nhà QL cần thực hiện các công tác QL phù hợp với tình hình mới, cụ thể:

3.1. Lập kế hoạch QL: Nhà QL là người lập kế hoạch QL chi tiết chương trình giáo dục VNEN theo tuần, theo tháng và theo năm học dựa trên các chỉ thị của ngành cũng như đặc thù riêng của trường, tập hợp những hoạt động được sắp xếp theo lịch trình, có thời hạn, nguồn lực, ấn định những mục tiêu cụ thể và xác định các biện pháp tốt nhất... để thực hiện mục tiêu cuối cùng đã đề ra. Việc lập kế hoạch sẽ giúp quá trình QL có hệ thống và hiệu quả hơn để có thể tiên liệu được các tình huống xảy ra, phối hợp được mọi nguồn lực của cá nhân, tổ chức để tạo nên một sức mạnh tổng hợp, có thể hướng tập thể GV vào mục tiêu cuối cùng một cách hiệu quả nhất. Bên cạnh đó, cũng sẽ dễ dàng kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện công việc của mình và của nhà trường. Khi lập kế hoạch QL chương trình giáo dục theo mô hình VNEN ở trường THCS thì nhà QL phải trả lời các câu hỏi sau đây: - Chuyển đổi phương thức sư phạm của nhà trường như thế nào để đảm bảo chất lượng dạy và học ở trường THCS? - Những nguồn lực nào được huy động để chuyển đổi phương thức sư phạm của nhà trường? - Cha mẹ HS tham gia như thế nào vào quá trình giáo dục HS và làm thế nào để huy động được cha mẹ HS tham gia vào quá trình giáo dục? - Trách nhiệm của GV và của nhà QL có vai trò như thế nào trong chuyển đổi phương thức sư phạm và phương thức QL của nhà trường? - Có những khó khăn nào trong thực hiện QL trường THCS theo mô hình trường học VNEN? - Tiến độ thực hiện qua từng giai đoạn như thế nào và thời gian hoàn thành từng bước theo kế hoạch là bao lâu?

3.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch: - Nhà QL cần thành lập ban chỉ đạo thực hiện xây dựng trường học VNEN đặc biệt là ban chỉ đạo dạy và học theo mô hình VNEN; - Nâng cao nhận thức cho cán bộ QL, GV, phụ huynh HS về mô hình trường học VNEN; - Phân công phân nhiệm cho từng thành viên trong

thực hiện xây dựng trường học theo mô hình VNEN;
 - Tập huấn GV về phương pháp dạy học theo mô hình trường học mới; - Tập huấn GV về hoạt động tư vấn, hướng dẫn Hội đồng tự quản của HS và nâng cao hiệu quả tự quản của HS; - Xây dựng cơ chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình, các tổ chức xã hội trong thực hiện các nhiệm vụ giáo dục và tổ chức hoạt động giáo dục; - Huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện mô hình trường học VNEN như chuẩn bị nguồn tài liệu phục vụ dạy và học theo mô hình, tăng cường cơ sở vật chất lớp học, thư viện, góc học tập của HS,...

3.3. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch, gồm: - Bồi dưỡng nâng cao năng lực GV về phương pháp dạy học mới, các biện pháp kĩ thuật dạy học; - Đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học; tập trung theo hướng nghiên cứu bài học theo mô hình trường học mới VNEN, phân tích bài học những điểm GV cần lưu ý, tổ chức dự giờ của từng GV theo hướng chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau tạo ra sự đồng thuận về mặt chuyên môn; - GV chuyển đổi phương thức sư phạm, thực hiện dạy học theo mô hình trường học VNEN và phát huy vai trò của Hội đồng tự quản của HS; phối hợp với phụ huynh HS để tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục GV, tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục HS và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của HS.

3.4. Thực hiện kiểm tra, đánh giá. Trong QL chương trình giáo dục ở trường THCS theo mô hình VNEN, nhà QL cần phải nắm vững những vấn đề cơ bản về kiểm tra, đánh giá theo mô hình trường học mới VNEN; cần trang bị cho GV về kĩ thuật thiết kế công cụ và phương pháp đánh giá; xác định rõ chuẩn đánh giá của các môn học, các hoạt động giáo dục. Ngoài ra, có thể hướng dẫn GV sử dụng ma trận đánh giá HS theo mô hình VNEN như sau:

| Hoạt động học tập | Hình thức đánh giá | Công cụ sử dụng |
|----------------------------------|--|-------------------------------------|
| Tự học cá nhân hoặc có hướng dẫn | Tự đánh giá | Bản đồ tiến độ (HS hoặc GV) |
| Làm việc cặp, nhóm | Đánh giá theo cặp, nhóm | Đánh giá bằng nhận xét |
| Làm việc theo lớp | Quan sát, nhận xét, hoặc kiểm tra viết | Đánh giá bằng nhận xét, điểm số |
| Thực hiện hoạt động ứng dụng | Đánh giá, tiến độ, nghiệm thu sản phẩm | Đánh giá bằng nhận xét hoặc điểm số |

* * *

QL hiệu quả mô hình giáo dục VNEN ở trường THCS có ý nghĩa thực tiễn quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại. Việc nghiên cứu đổi mới mô hình trường học này thể hiện sự chuyển mình tích cực trong giáo dục là một cách tiếp cận phù hợp với xu thế giáo dục hiện đại. □

Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT. Công văn số 5173/BGDĐT-GDTH ngày 10/8/2012 của Bộ GD-ĐT về thực hiện tập huấn mô hình trường học mới VNEN, 2012.
2. Bộ GD-ĐT. Tài liệu dự án mô hình trường học mới Việt Nam và tổ chức lớp học theo mô hình trường học mới Việt Nam, Hà Nội, 2013.
3. Trần Kiểm. **Tiếp cận hiện đại trong quản lí giáo dục.** NXB Đại học Sư phạm. H. 2007.

Ứng dụng phần mềm Prezi...

(Tiếp theo trang 43)

quả công việc của mình, các bạn, nhóm và GV nhận xét, bổ sung hoàn chỉnh và rút ra kết luận khái quát giúp các em nắm vững và hiểu sâu sắc vấn đề đó. Như vậy, HS sẽ nắm được vững chắc kiến thức, rèn luyện khả năng thực hành môn học và nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin vào học tập.

* * *

Việc ứng dụng phần mềm Prezi để biên soạn bài giảng điện tử phục vụ dạy học LS là một hướng đi mới, thực sự cần thiết nhằm nâng cao chất lượng dạy học ở trường THPT hiện nay. So với các phần mềm đã được ứng dụng trước đó, phần mềm Prezi có ưu thế trong việc kích thích hứng thú học tập, tích cực nhận thức của HS. Đây là một phần mềm có tính ứng dụng cao, có vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng đáp ứng được yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học nói chung, cập nhật thành tựu của công nghệ thông tin nói riêng. Mặt khác, việc sử dụng phần mềm Prezi trong biên soạn và dạy học LS không làm “lơ mờ” vai trò của GV, mà còn giúp GV thực hiện tốt hơn vai trò tổ chức, điều khiển, hướng dẫn hoạt động học tập của HS. □

Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT. Một số vấn đề đổi mới phương pháp dạy học ở trường trung học cơ sở môn Địa lí, Lịch sử, Giáo dục công dân. Dự án Phát triển giáo dục trung học cơ sở, 2002.
2. Bộ Thông tin và Truyền thông. **Công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trong giáo dục.** NXB Thông tin và Truyền thông, H. 2010.
3. Bộ GD-ĐT. *Chỉ thị số 29/2001/CT-BGDĐT về việc tăng cường giảng dạy, đào tạo và ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành giáo dục giai đoạn 2001-2005.*
4. Nguyễn Thị Côi. **Rèn luyện kĩ năng, nghiệp vụ sư phạm môn Lịch sử.** NXB Đại học Sư phạm, H. 2011.
5. Phan Ngọc Liên (chủ biên). **Phương pháp dạy học Lịch sử** (tập I). NXB Đại học Sư phạm, H. 2010.
6. Phan Ngọc Liên (tổng chủ biên). **Lịch sử 12.** NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2009.